

V.CLEAN 411

Membrane cleaning solution – high pH

V.CLEAN 411 là hoá phẩm tẩy rửa màng lọc thẩm thấu ngược (RO), màng siêu lọc (UF), màng lọc nano (NF)... ở pH cao, được sản xuất theo công thức định hướng của Nitto Denko, đảm bảo hoạt tính và hiệu quả cao, an toàn đối với các loại màng gốc polyamide và polypropylene.

V.CLEAN 411 có thành phần chính là hỗn hợp natri polyphosphate vô cơ và hữu cơ, hoạt chất hoạt động bề mặt và các phụ gia, có khả năng tẩy rửa hầu hết cặn hữu cơ (organics, colloidal silica, sulphate...) và vi sinh trên bề mặt màng.



V.CLEAN 411 cần được sử dụng phối hợp với các hóa phẩm tẩy rửa pH thấp để đạt hiệu quả tẩy rửa cao nhất.

Đặc tính kỹ thuật

- | | |
|----------------------|---------------------------------|
| - Hiện thị: | Chất lỏng không màu – vàng nhạt |
| - Mùi: | Không |
| - Tính chất hoá học: | Có tính kiềm |
| - pH (của sản phẩm): | 12.0 ± 0.5 |
| - Tỷ trọng (@25 oC): | 1.15 ± 0.05 |



Thông tin sử dụng

V.CLEAN 411 có thể bị kết tinh lại khi lưu trữ ở nhiệt độ thấp, cần lắc đều can, thùng chứa trước khi dùng.

Khi dùng để tẩy rửa màng RO: Pha loãng **V.CLEAN 411** với nước RO (trong bể CIP) theo tỷ lệ khoảng 1 / 10. Sử dụng bơm CIP chạy tuần hoàn qua thiết bị RO. Có thể dùng bơm để ngâm hóa chất. Kiểm tra pH liên tục, xả bỏ hóa chất đã phản ứng (bão hòa) và bổ sung hóa chất mới.

Quy trình tẩy rửa tùy thuộc vào đặc tính hệ thống và mức độ cặn. Liên hệ các Đại lý phân phối **V.CLEAN 411** để nhận được tư vấn kỹ thuật cần thiết.

Thông tin an toàn

V.CLEAN 411 tương thích với hầu hết các loại vật liệu nhựa. Không ăn mòn đồng, sắt, thép trong thời gian tẩy rửa. Không tương thích với các vật liệu nhôm, tôn thép mạ kẽm.

V.CLEAN 411 có tính kiềm trung bình, cần trang bị găng tay, khẩu trang và trang thiết bị bảo hộ thích hợp khi tiếp xúc. Đọc kỹ Phiếu an toàn hóa chất (SDS) trước khi sử dụng.



Đóng gói và Bảo quản

V.CLEAN 411 được đóng can nhựa 20 kg. Có thể đóng thùng 200 & 1000 kg theo yêu cầu của Khách hàng. Thời hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Lưu giữ ở nơi khô thoáng, tránh nhiệt độ cao (> 35 °C), ánh nắng trực tiếp và môi trường a-xít.



V.CLEAN 411

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PHẦN 1 – THÔNG TIN SẢN PHẨM & SẢN XUẤT

Tên sản phẩm:	V.CLEAN 411
Ứng dụng chính:	Tẩy màng RO, NF, UF ở pH cao. Tẩy cặn hữu cơ, vi sinh, màng nhầy silica trong nồi hơi, đường ống, hệ cooling...
Nhà sản xuất:	PROCIS CO., LTD VP.: #C13, TT Hóa chất, phố Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội Email: VClean.procis@gmail.com

PHẦN 2 – XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ NGUY HẠI

Mức xếp loại nguy hại theo GHS

Nguy hại vật lý:	Không phân loại
Nguy hại sức khỏe:	Kích ứng da: Loại 2 Gây rát mắt: Loại 2 Nhạy hô hấp: Không phân loại
Nguy hại môi trường:	Không phân loại

Cảnh báo nguy hại theo GHS

Hình đồ cảnh báo:



Từ cảnh báo:

CẢNH BÁO

Thông tin cảnh báo:

Gây bỏng da và mắt, có hại tới hệ sinh thái

Nguy hiểm khi tiếp xúc với mắt (gây rát).
Nguy hiểm nhẹ khi tiếp xúc với da (gây rát với da nhạy cảm) và khi nuốt phải.
Mức độ nguy hiểm phụ thuộc vào thời gian tiếp xúc.
Tiếp xúc lâu với mắt có thể gây viêm giác mạc.
Tiếp xúc lâu với da có thể làm sưng, phỏng da.
Khi nuốt phải với lượng lớn có thể gây sốc, gây nguy hiểm cho hệ thống tiêu hóa.

Phòng ngừa:

Làm việc ngoài trời hoặc nơi thoáng khí. Không hít khói, bụi, khí, hơi sương, hơi, phun sương của sản phẩm. Đeo mặt nạ thở, găng tay (cao su), kính bảo hộ, bảo vệ mặt khi tiếp xúc. Rửa tay kỹ sau khi làm việc. Quần áo nhiễm bẩn sau khi làm việc không được mang ra khỏi khu vực làm việc.

PHẦN 3 – THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Đặc tính thành phần: Dung dịch hỗn hợp

Tên hóa chất	Số CAS	Công thức hóa học	Nồng độ (% kl)
Na-EDTA	139-33-3	C10H14N2Na2O8	< 15
STPP	7758-29-4	Na5P3O10	< 8
Phụ gia hỗn hợp	---	---	< 2
Nước	7732-1-85	H2O	> 75

PHẦN 4 – CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Bị dính vào mắt: Rửa mắt bằng thật nhiều nước trong vòng 15 phút. Nên dùng nước mát để rửa. Đến tư

	vấn bác sỹ ngay sau khi sơ cứu.
Bị dính vào da:	Rửa chỗ bị dính bằng thật nhiều nước. Nên dùng nước mát để rửa. Giặt quần áo trước khi dùng lại. Đến tư vấn bác sỹ ngay sau khi sơ cứu.
Nuốt phải:	Không cố gây nôn ra nếu không có sự chỉ định chỉ dẫn của bác sỹ. Không cho người bệnh nuốt uống bất cứ thứ gì. Đến tư vấn bác sỹ.
Hít phải:	Đưa đến nơi thoáng khí, hô hấp nhân tạo hoặc thở ô-xy nếu khó thở. Đến tư vấn bác sỹ.
Triệu chứng điển hình:	Rát và phồng dộp da, bóng mắt
Lưu ý bác sỹ:	Không

PHẦN 5 – THÔNG TIN VỀ CHÁY NỔ

Đặc tính cháy nổ:	Không tự cháy, không bắt cháy khi tiếp xúc với nguồn nhiệt
Sản phẩm tạo ra khi cháy:	Không cháy, khi nhiệt độ cao có thể phân hủy thành NOx, COx.
Chất dập cháy thích hợp:	Không quy định đặc biệt
Thủ tục chữa cháy:	Không quy định đặc biệt
Bảo vệ người chữa cháy:	Quần áo bảo hộ chữa cháy

PHẦN 6 – XỬ LÝ KHI ĐỔ TRÀN

Bị tràn ít:	Dùng vật liệu có tính hút chất lỏng như giẻ lau, bông xấp thấm và rửa sạch bằng nước.
Bị tràn nhiều:	Cách ly khu vực bị tràn, cố gắng thu hồi sản phẩm về các thùng chứa nước thải mang đi xử lý, rửa sạch khu vực bị tràn bằng nước. Sản phẩm thu hồi không tái sử dụng.
An toàn môi trường:	Tránh không để giầy, tràn hóa chất, tránh làm nhiễm vào nước. Không xả trực tiếp xuống cống rãnh, nền đất. Thông báo chính quyền nếu không kiểm soát được đổ tràn.
An toàn cá nhân:	Mặc quần áo bảo hộ, ủng cao su khi xử lý sự cố.

PHẦN 7 – LƯU TRỮ VÀ LÀM VIỆC

Lưu trữ, bảo quản:	Lưu giữ ở nơi khô thoáng, tránh nhiệt độ cao (> 35 OC), ánh nắng trực tiếp và môi trường a-xít. Chứa trong thùng chứa vật liệu nhựa chịu kiềm.
Làm việc với sản phẩm:	Trang bị găng tay, khẩu trang và trang thiết bị bảo hộ khi tiếp xúc.

PHẦN 8 – PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM

Phơi nhiễm:	Không quy định đặc biệt.
Phòng ngừa cá nhân:	Kính bảo hộ hóa chất. Quần áo bảo hộ, găng tay và ủng cao su.
Vệ sinh cá nhân:	Không ăn, uống, hút trong khi làm việc với hóa chất. Sử dụng theo các điều lệ về an toàn và vệ sinh. Luôn luôn tuân thủ các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt. Giặt quần áo làm việc và các đồ bảo hộ để loại bỏ các chất gây ô nhiễm. Trang bị các điểm rửa mắt và vòi hoa sen tại nơi làm việc.

PHẦN 9 – TÍNH CHẤT HÓA LÝ

Hiển thị	Chất lỏng không màu
Mùi vị	Không mùi
pH (dung dịch)	12.0 ± 0.5
Tỷ trọng	1.15 ± 0.05
Điểm đông đặc	Không áp dụng
Điểm sôi	Không áp dụng
Tự bốc cháy	Không
Tính tan	Tan hoàn toàn trong nước

PHẦN 10 – HOẠT TÍNH VÀ TÍNH ỔN ĐỊNH

Ổn định: Sản phẩm có tính ổn định cao trong điều kiện lưu trữ bảo quản tốt. Thời hạn sử dụng trung bình 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Hoạt tính: Tính kiềm.

PHẦN 11 – THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Bảng thông số độc tính:

Sản phẩm

- V.CLEAN 411	LD50	> 10000 mg/kg	Chuột	Nuốt
---------------	------	---------------	-------	------

Các ảnh hưởng do độc tính:

Mãn tính: Không

Ung thư: Không

Khác: Không

PHẦN 12 – ẢNH HƯỞNG SINH THÁI

Sản phẩm

- V.CLEAN 411	LD50	> 2500 mg/l	Cá	96h
---------------	------	-------------	----	-----

Chỉ số BOD/COD: Không có thông tin

Mức phân hủy sinh học: Không có thông tin

PHẦN 13 – XẢ THẢI

Xả thải: Không xả thải trực tiếp xuống cống thải, xử lý như nước thải nhiễm kiềm.

Thùng chứa: Tập trung xử lý trong các khu xử lý chất thải rắn được phép, có thể tái sử dụng.

PHẦN 14 – VẬN CHUYỂN

Phân loại theo Thông tư 04-2012-TT-BCT: Chất gây bỏng da và mắt

Số UN.: Không áp dụng. Chất lỏng không nguy hại.

Nhãn mác trên sản phẩm:



CẢNH BÁO

PHẦN 15 – QUY ĐỊNH QUY CHUẨN

Tại Việt Nam: Không quy định

Nghị định Montreal: Không quy định

Hiệp định Rotterdam: Không quy định

Hiệp định Stockholm: Không quy định

PHẦN 16 – THÔNG TIN KHÁC

Cảnh báo đặc biệt: không

Tài liệu tham khảo: không

Ngày phát hành: Lần 1 tháng 3 / 2018

Đơn vị phát hành: PROCIS CO., LTD

Các thông tin trên đây được cho là chính xác dựa trên các thông tin và sự hiểu biết của chúng tôi tại thời điểm phát hành. Người sử dụng cần tự nghiên cứu kỹ và sử dụng sản phẩm theo đúng các chỉ dẫn.